

Bản án số: 266/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2025

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình **thụ lý số 186/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025** về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trương Thị L**, sinh năm 1979.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

Người được chị L ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Chị L, anh N đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:

Chị và anh N chung sống cùng nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống cùng nhau anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đến ngày 04/01/2022 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022, chị L đi lao động tại Đài Loan. Do vợ chồng đã có bất đồng từ trước, cuộc sống xa cách, không có sự quan tâm, chia sẻ nên

tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị N1, sinh năm 1997 và Nguyễn Hoàng A, sinh năm 2004; hiện hai con chung đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Về điều kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Anh và chị L sống cùng nhau từ năm 1996, đến năm 2022 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố C. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, mâu thuẫn từ trước khi đăng ký hôn, sau khi đăng ký kết hôn, tháng 7 năm 2023 chị L đi lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay chị L chưa về nước, thời điểm con gái anh chị kết hôn, chị L cũng không về để tổ chức đám cưới cho con. Nay chị L có quan điểm xin ly hôn, anh không đồng ý giải quyết vì chị L đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh yêu cầu chị L trả lại bìa đỏ nhà đất thì anh mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị N1, sinh năm 1997 và Nguyễn Hoàng A, sinh năm 2004; hiện hai con đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trương Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung, chị L và anh N có 02 con chung là Nguyễn Thị N1, sinh năm 1997 và Nguyễn Hoàng A, sinh năm 2004 ; hiện hai con chung đã trưởng thành, đề nghị HĐXX không giải quyết; về tài sản công nợ chung, chị L, anh N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không giải quyết. Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Nguyên đơn chị Trương Thị L hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan; nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C vào ngày 04/01/2022 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị L, anh N đều trình bày anh chị chung sống cùng nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống cùng nhau anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đến ngày 04/01/2022 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhau đến tháng 7 năm 2022, chị L đi lao động tại Đài Loan. Do vợ chồng đã có bất đồng từ trước, cuộc sống xa cách, không có sự quan tâm, chia sẻ nên tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh chị được ly hôn. Anh N xác định vợ chồng bất đồng quan điểm như chị L trình bày, anh không đồng ý ly hôn do chị L đang giữ bìa đất của anh, anh yêu cầu chị L trả bìa đất anh mới đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Chị L và anh N có 02 con chung là Nguyễn Thị N1, sinh năm 1997 và Nguyễn Hoàng A, sinh năm 2004; hiện hai cháu đã trưởng thành, chị L, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số **0001779 ngày 18/4/2025** của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L nộp đủ án phí

4. Về quyền kháng cáo: Anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Bắc An, TP. Chí Linh;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến